

xiǎo mǐ de zhōng guó zhī xíng

小米的中国之行

WEEK 9

quizlet.com/650540575

zhù nǐ jié rì kuài lè

祝你节日快乐!

Wish You...

**happy
holidays!**

zhāng lǎo shī

张老师



STORY

小米的中国之行



你好！我叫小米。我十岁。我住在美国。我是美国人。今天是二零二一年十一月九日。我家有四个人,爸爸,妈妈,哥哥和我。今天是感恩节。谢谢爸爸和妈妈。我爱你。感恩节快乐！我和爸爸妈妈去中国北京。我和爸爸妈妈去长城。长城很长。

STORY

小米的中国之行



我和爸爸妈妈去北京故宫。
故宫很大，很漂亮。

WEEK 9

mù biāo

目标

OBJECTIVES

I CAN . . .



1. I can recognize
adjective words in
Chinese.

2. I can say
adjective words
in Chinese.

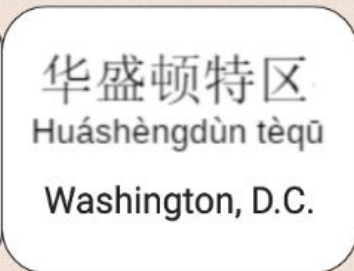
3. I can use the
adjective words to
describe.



hěn piào liang

很漂亮

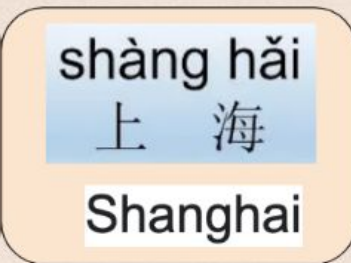
very beautiful



hěn gāo

很高

very tall / high



hěn cháng

很长

very long



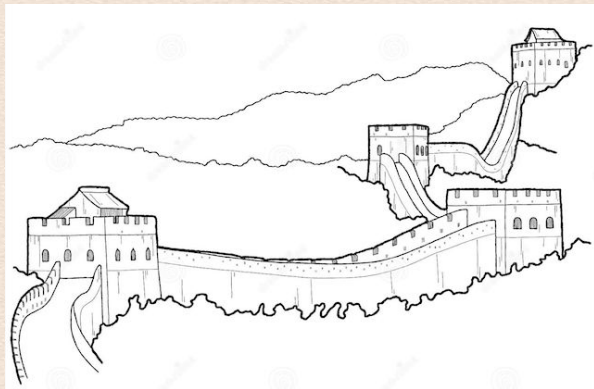
Students, drag the icon!



hěn cháng

很长

very long



wàn

lǐ

cháng

chéng

hěn cháng

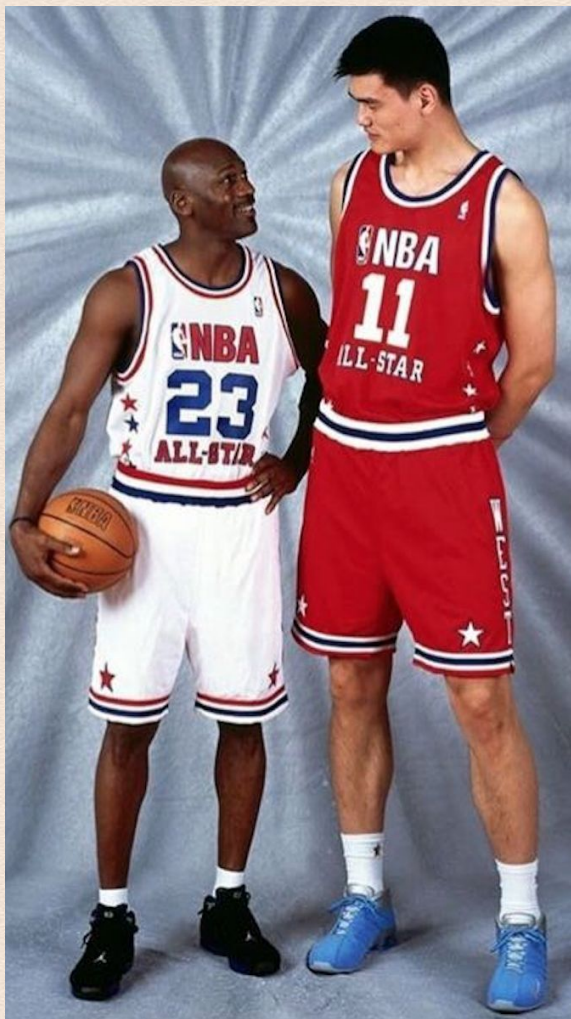
万

里

长

城

很长



hěn gāo

很高

very tall / high

姚明

Yao Ming

hěn gāo

很高



zì yóu nǚ shén xiàng

自由女神像

hěn gāo

很高

bà ba

爸爸



mā ma

妈妈

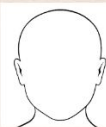


yé ye

爷爷

nǚ nai

奶奶



wǒ

我



dì di

弟弟

mèi mei

妹妹



gē ge

哥哥

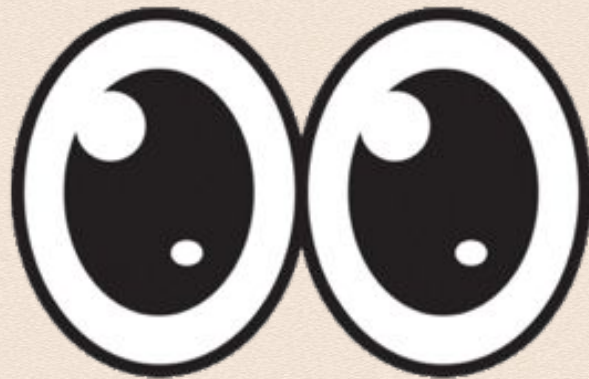
jiě jie

姐姐



hěn dà
很大

very big



yǎn

眼

jīng

睛

hěn dà

很大



gù

故

gōng

宮

hě

很

dà

大

gù

gōng

故 宫

Imperial Palace

hěnn

dà

很 大

tiān

ān

mén

guǎng

chǎng

天 安 门 广 场

Tiananmen Square

hěnn

dà

很 大

美国 měi guó

华盛顿特区
Huáshèngdùn tèqū
Washington, D.C.

niǔ yuē
纽约

New York City,

中国 zhōng guó

běi jīng
北京

shàng hǎi
上海
Shanghai

hěn dà

很大

- In the group, everyone takes turn to read the words out loud from the  .
- Move steps when read the words correctly.
- Check the moving steps when click  .



游戏时间

Gimkit



guó jiā
国家
country(ies)

CAPITAL
CITY
首都
shǒudū

Largest
Populations
CITY
rén duō de chéng shì
人多的城市

jǐng diǎn
景点
Attractions

hěn piào liang
很漂亮
very beautiful

hěn dà
很大
very big

美国 měi guó

华盛顿特区
Huáshèngdùn tèqū
Washington, D.C.

niǔ yuē
纽约

New York City,

zì yóu nǚ shén xiàng
自由女神像

hěn gāo
很高
very tall / high

中国 zhōng guó

běi jīng
北京

shàng hǎi
上海
Shanghai

cháng chéng
长城

hěn cháng
很长
very long



gē ge
哥哥



jiě jie
姐姐

bà ba
爸爸

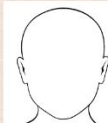


mā ma
妈妈



yé ye
爷爷

nǚ nai
奶奶



wǒ
我



dì di
弟弟

mèi mei
妹妹



WEEK 9

mù biāo

目标

OBJECTIVES

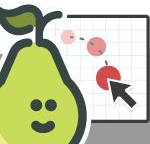
I CAN . . .



1. I can recognize
adjective words in
Chinese.

2. I can say
adjective words
in Chinese.

3. I can use the
adjective words to
describe.



Students, drag the icons!





zài jiàn

再见

Goodbye